

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Toại

Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2024/TLPT-HS ngày 23/8/2024 đối với bị cáo **Trần Hoàng N** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng N**, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Minh H** và bà **Đào Thị N1**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2023 đến ngày 07/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp Cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Hoàng N**: Ông **Phạm T** – Luật sư của **Văn phòng L – Chi nhánh Q**. Địa chỉ: **Số D đường P, tổ dân phố D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 29/05/2023, **Trần Hoàng N** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho **Nguyễn Tấn N2**, sinh năm 2004, nơi cư trú: **thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** rủ **N2** đi chơi thì **N2** nói **N** đến Ngã tư đèn xanh – đèn đỏ thuộc **xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** gặp **N2**. Tại đây, **Nguyễn Tấn N2** rủ **Trần Hoàng N** cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì **Trần Hoàng N** đồng ý. Sau đó, **Nguyễn Tấn N2** chỉ đường cho **Trần Hoàng N** chở **Nguyễn Tấn N2** đến nhà **Trần Văn T1**, sinh năm 1989, nơi cư trú: **thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** để mua ma túy rồi cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Khi **Trần Hoàng N** và **Nguyễn Tấn N2** đến nhà **Trần Văn T1** thì gặp **Trần Văn T1**, **Lê Thị Mỹ P**, sinh năm 1991, nơi cư trú: **tổ A, phường T, thành phố Q** (là người yêu của **T1**); **Trần Thanh T2**, sinh năm 1992, nơi cư trú: ở **thôn T, xã B, huyện B**; **Võ Tấn T3**, sinh năm 1994, nơi cư trú: **thôn P, xã B, huyện B** và **Trần Minh N3** ở **xã B, huyện B** (không rõ địa chỉ thôn) đang chơi ở nhà **Trần Văn T1**.

Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, **Nguyễn Tấn N2** hỏi **Trần Văn T1** mua ma túy thì **Nguyễn Tấn N2**, **Trần Văn T1** và **Trần Hoàng N** thống nhất góp tiền để **Trần Văn T1** đi mua ma túy về cùng nhau tổ chức sử dụng tại nhà của **Trần Văn T1**. Sau đó, **Trần Văn T1** góp số tiền 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng), **Trần Hoàng N** góp số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) bằng hình thức chuyển khoản (**Trần Hoàng N** sử dụng tài khoản 0399281520 **Ngân hàng Q1**, **Trần Văn T1** sử dụng tài khoản 0571000064189 **Ngân hàng TMCP N4 - VCB**), **Nguyễn Tấn N2** mượn của **Trần Hoàng N** số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) góp cho **Trần Văn T1** để mua ma túy, tổng số tiền góp được 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng). Sau đó, **Trần Văn T1** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76X5-7689 đi đến **xã B, huyện B** mua ma túy đá của một người tên **K** đem về sử dụng.

Khi về đến nhà, **T1** lấy ra bộ dụng cụ sử dụng ma túy (đã có sẵn trước đó ở nhà **T1**) gồm: 01 chai nhựa có chữ Revive, màu vàng cam đựng nước lọc, trên nắp chai có đục 02 lỗ nhỏ, 01 lỗ dùng để cắm ống hút bằng nhựa, 01 lỗ cắm phiều (nỏ) thủy tinh hình chữ “L”, 01 máy lửa gas màu đỏ, tiếp đó **Trần Văn T1** đã lấy ra một ít ma túy đổ vào phiều thủy tinh nấu cho ma túy nóng chảy, một phần ma túy còn lại **T1** cất giấu để bán lại kiếm lời.

Khi **Trần Văn T1** nấu ma túy xong thì **Nguyễn Tấn N2** cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy và đốt lửa cho ma túy bốc hơi lên để **Nguyễn Tấn N2** sử dụng, rồi **Nguyễn Tấn N2** tiếp tục cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đưa cho **T1, P, T2, N3, T3** và **N** sử dụng. Khi đã sử dụng xong ma túy tại nhà của **T1** thì **T2, N3, T3** đi về trước, còn **N2** và **N** ở lại nhà **T1**.

Đến khoảng 00 giờ ngày 30/05/2023, **Trần Văn T1** liên hệ bán ma túy cho một người tên **H1** (chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể) với giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và nhờ **Nguyễn Tấn N2** đi giao ma túy cho **H1** thì **N2** đồng ý. **Nguyễn Tấn N2** sử dụng xe mô tô biển số 76X5-7689 của **T1** và đem tếp ma túy đến khu vực mỏ đá, **xã B, huyện B** để giao cho đối tượng tên **H1**. Khi **Nguyễn Tấn N2** vừa đi đến khu vực mỏ đá thuộc **thôn T, xã B, huyện B** thì bị **Công an xã B** bắt quả tang, tạm giữ tang vật liên quan. Cùng ngày 30/05/2023, **Trần Văn T1** đến **Công an huyện B** đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của **Trần Văn T1**.

Kết quả kiểm tra nhanh xác định **T1, P, T2, N2, T3** và **N** dương tính với ma túy Methamphetamine.

Tại bản Kết luận Giám định số: 556/KL-KTHS ngày 08/06/2023 của **Phòng K1 - Công an tỉnh Q** kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ nhất gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,06 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ (**M** đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Tại bản Kết luận Giám định số: 718/KL-KTHS ngày 25/07/2023 của **Phòng K1 - Công an tỉnh Q** kết luận: Chất rắn màu nâu bên trong phễu thủy tinh gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; mẫu ở dạng vết nên không tiến hành cân khối lượng. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Hoàng N** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: **Trần Hoàng N** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời gian tạm giam 13/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên **Trần Văn T1** 10 năm 06 tháng tù, **Nguyễn Tấn N2** 09 năm 06 tháng tù cùng về các tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/7/2024, bị cáo **Trần Hoàng N** kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Trần Hoàng N** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trần Hoàng N** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết tích cực hợp tác với công an phát hiện tội phạm được **Công an huyện B** xác nhận, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Hoàng N**, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

*Người bào chữa cho bị cáo **Trần Hoàng N** phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo:* Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trần Hoàng N** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên suy nghĩ còn bồng bột, nghe theo sự rủ rê của bạn bè; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích trong 03 năm học tại **Trường THPT huyện B**; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới là lập công chuộc tội quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; hiện nay bị cáo là sinh viên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của **Trần Văn T1**, **Nguyễn Tấn N2**, **Trần Hoàng N**: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Trần Hoàng N** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời

khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tối ngày 29/5/2024, **Trần Hoàng N**, **Nguyễn Tấn N2** đến nhà **Trần Văn T1** để cùng sử dụng ma túy thì gặp **Lê Thị Mỹ P** (Người yêu của **T1**), **Trần Thanh T2**, **Võ Tấn T3**, **Trần Minh N3** đang chơi ở nhà **T1**. Khoảng 22 giờ cùng ngày thì **T1**, **N2**, **N** góp 900.000 đồng mua ma túy về sử dụng; sau khi mua ma túy về thì **Trần Văn T1** nấu ma túy lên cho tất cả cùng sử dụng; ngoài ra **T1** còn để lại một ít ma túy cất giấu để bán kiếm lời. Sau khi sử dụng ma túy xong thì **T2**, **N3**, **T3** đi về trước, còn **N2** và **N** ở lại nhà **T1**. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, **Trần Văn T1** liên hệ với một đối tượng tên **H1** (Không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy với giá 200.000 đồng và nhờ **Nguyễn Tấn N2** đi giao ma túy. Khi **N2** đi giao ma túy thì bị **Công an xã B**, huyện **B**, tỉnh **Quảng Ngãi** bắt quả tang. Qua test nhanh, **Trần Văn T1**, **Nguyễn Tấn N2**, **Trần Hoàng N**, **Lê Thị Mỹ P**, **Trần Thanh T2**, **Võ Tấn T3** đều dương tính với ma túy Methamphetamine.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử **Trần Văn T1**, **Nguyễn Tấn N2**, **Trần Hoàng N** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và xét xử **Trần Văn T1**, **Nguyễn Tấn N2** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Hoàng N**:

Hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Hoàng N** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc quản lý, sử dụng chất ma túy; ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha, mẹ là ông **Trần Minh H** và bà **Đào Thị N1** được **UBND xã B** tặng giấy khen; bị cáo có nhiều thành tích trong học tập (là học sinh giỏi nhiều năm liền); tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là bị cáo đã tích cực hợp tác, báo tin Cơ quan **Công an huyện B** trong việc phát hiện tội phạm vào ngày 18/6/2024 và đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 05/7/2024 về tội “Tàng trữ trái phép sử dụng chất ma túy” theo Công văn số 490/ĐCSMT ngày 06/7/2024 của **Công an huyện B** xác nhận cho bị cáo **Trần Hoàng N**, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng thêm cho bị cáo **N**. Xét thấy bị cáo **Trần Hoàng N** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội khi mới 17 tuổi 6 tháng 26 ngày. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Đề nghị của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo **Trần Hoàng N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Hoàng N**. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hoàng N** 04 (B) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án và được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

2. Bị cáo **Trần Hoàng N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện Bình Sơn;
- Công an huyện Bình Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm